TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/DS-PT
Ngày 06-4-2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Đồng.

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyền; bà Lê Thị Thu Trang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh***: Ông Phạm Văn Sơn, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018, về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 75/2017/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1923, đã chết trong quá trình tham gia tố tụng.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K:

+ Ông Lê Văn H, sinh năm 1966; cư trú tại: Khu phố B, Phường B1, thành phố T1, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

+ Bà Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1960;

+ Bà Lê Thị Tuyết H1, sinh năm 1968;

Cùng cư trú tại: Ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

+ Bà Lê Thị D, sinh năm 1952; cư trú tại: Phường S, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Tuyết L, bà Lê Thị Tuyết H1, bà Lê Thị D: Ông Lê Văn H, sinh năm 1966; cư trú tại: Khu phố B, Phường B1,

thành phố T1, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền ngày 20-3-2017, văn bản ủy quyền ngày 05-4-2018;

- *Bị đơn:* Ông Lê Quang V, sinh năm 1965; bà Hồ Kim P, sinh năm 1968; cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; yêu cầu xét xử vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn M - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn M: Ông Lê Hòa L2 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, theo văn bản ủy quyền ngày 30-8-2017; yêu cầu xét xử vắng mặt;

+ Ông Lê Văn T, sinh năm 1952; cư trú tại: Ấp M, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

+ Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp G1, xã M1, huyện Đ1, tỉnh Long An; vắng mặt;

+ Bà Lê Thị Tuyết T1, sinh năm 1960; cư trú tại: Phường N1, Quận N2, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị K và trong quá trình giải quyết vụ án, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K là ông Lê Văn H trình bày:

Vào năm 1974, cha của ông là ông Lê Văn T2 được các anh, chị, em trong đó có ông Lê Văn Q là cha của ông Lê Quang V chia cho phần đất khoảng 02 ha, tọa lạc tại ấp P1, xã P, huyện T, việc chia đất chỉ họp mặt nhau chia, không làm giấy tờ. Gia đình ông sử dụng đất từ năm 1974 đến năm 1991 thì bị ông T3 (con rể ông Q), ông Lê Văn X, ông Lê Văn S dùng vũ lực chiếm lấy và canh tác.

Diện tích đất bị ông T3 chiếm là 7.819 m^2, gồm 04 thửa: 256, 257, 336 và 337, ông T3 canh tác khoảng 1-2 năm thì giao cho ông V quản lý, sử dụng đến nay.

Năm 1991, ông T2 khiếu nại, Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 29-02-1992, nội dung bác đơn khiếu nại của ông T2. Không đồng ý với quyết định này, ông T2 tiếp tục khiếu nại, đến năm 2001 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số: 753/QĐ-UB ngày 21-12-2001, thu hồi Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 29-02-1992, của Ủy ban nhân dân xã P. Do đất đang tranh chấp ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng từ năm 1993 nên phải khởi kiện tại Tòa án.

Ông T2 đã chết vào năm 1995 nên vợ ông T2 là bà Nguyễn Thị K đứng đơn khởi kiện, từ năm 2006 đến nay Tòa án đã xét xử nhiều lần nhưng bản án bị

hủy theo trình tự giám đốc thẩm, hiện Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Bà K chết vào ngày 03-4-2015 nên các con gồm: Bà Lê Thị Tuyết L, bà Lê Thị Tuyết H1, bà Lê Thị D và ông kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K tiếp tục khởi kiện yêu cầu ông Lê Quang V và vợ là bà Hồ Kim P phải trả lại phần đất diện tích 7.819 m^2; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01047 ngày 17-12-1993, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông V đứng tên.

Bà Lê Thị Tuyết L, bà Lê Thị Tuyết H1 ủy quyền cho ông tham gia tố tụng, ý kiến của ông cũng là ý kiến của họ.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị K – bà Lê Thị D trình bày:

Bà là con riêng của bà K, ông Lê Văn T2 là cha dượng, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả đất cho bà K để các con của bà K được hưởng, riêng bà không yêu cầu được hưởng, không yêu cầu chia đối với phần đất tranh chấp.

Bị đơn – ông Lê Quang V trình bày:

Nguồn gốc đất ông đang sử dụng là của ông nội là Lê Văn N1 để lại cho cha ông là Lê Văn Q, ông Q chết để lại cho ông.

Năm 1974, ông T2 là chú ruột của ông từ Thành phố Hồ Chí Minh về, mượn 04 thửa đất có diện tích 7.819 m^2 để sản xuất, sau đó xin được tặng cho nhưng ông Q không đồng ý. Năm 1991, gia đình ông lấy lại phần đất này canh tác, ông đã kê khai, đăng ký nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1993. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn - bà Hồ Kim P trình bày:

Bà là vợ ông V, thống nhất với ý kiến của ông V, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện T do ông Lê Hòa L2 đại diện, có văn bản trình bày:

Bà Nguyễn Thị K không chỉ khởi kiện đối với phần đất ông V đang sử dụng mà còn khởi kiện 02 phần đất khác. Ủy ban nhân dân huyện T xác định nguồn gốc các phần đất mà bà K đang tranh chấp như sau:

Ông Lê Văn N1 và vợ là bà Dương Thị N2 thừa hưởng của cha mẹ để lại khoảng 89 ha đất. Ông N1, bà N2 có tất cả 07 người con, số đất này chia cho 06 người, riêng người con út là Lê Văn T2 thoát ly gia đình đi tham gia cách mạng từ năm 1945 nên không chia.

Năm 1974 ông T2 trở về, anh, chị, em của ông T2 cùng thỏa thuận chia đất cho ông T2, cụ thể là: Ông Lê Văn R giao 6.445 m^2, ông Lê Văn T4 giao 6.851 m^2, ông Lê Văn Q giao 7.378 m^2, tổng cộng là 20.657 m^2.

Đến năm 1977, ông T4 mượn lại 2.474 m^2 đất để gieo mạ và sử dụng. Diện tích còn lại là 18.200 m^2 gia đình ông T2 tiếp tục sử dụng đến năm 1991 thì ông Lê Văn T4, Lê Văn X, Lê Văn S lấy lại.

Trong năm 1991, ông T2 khiếu nại yêu cầu giải quyết, Ủy ban nhân dân xã P đã ban hành Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 29-02-1992, nội dung thu hồi đất của ông T2 để giao lại cho ông K, ông T4, ông Q vì cho rằng trước đây ông K, ông T4 và ông Q chỉ tạm cho ông T2 mượn sử dụng. Ông T2 không đồng ý và tiếp tục khiếu nại lên cấp trên. Trong khi vụ án chưa được giải quyết thì năm 1993, ông Lê Quang V, ông Lê Văn X đi kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng ông Lê Văn S sau khi lấy lại đất đã đổi một phần đất diện tích 2.058 m^2 cho ông Lê Văn T5 và ông T5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

Ông T2 chết, vợ là bà Nguyễn Thị K tiếp tục khiếu nại. Năm 2001, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số: 753/QĐ-UB ngày 21-12-2001, về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà K với ông S với nội dung công nhận phần đất diện tích 2.319 m^2 thuộc quyền sử dụng của bà K; phần đất còn lại có tổng diện tích 15.881 m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X, ông V, ông T5 thì đề nghị bà K khởi kiện tại Tòa án để giải quyết theo thẩm quyền.

Từ năm 1975 đến 1991, gia đình ông T2 đã cải tạo và sử dụng phần đất diện tích 18.200 m^2 nêu trên liên tục 16 năm, có nộp thuế cho Nhà nước. Việc Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 29-02-1992, thu hồi đất của ông T2 đang sử dụng là trái với quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số: 13HĐBT ngày 01-02-1989, của Hội đồng Bộ trưởng về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất.

Căn cứ Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 29-02-1992, Ủy ban nhân dân xã P cho kê khai đăng ký và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, ông X, ông T5 trong khi đất còn đang tranh chấp là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993.

Đối với phần diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông X, ông V có chênh lệch so với diện tích thực tế hiện nay là do trước đây cấp giấy theo bản đồ 299 (Bản đồ không ảnh) nên diện tích không chuẩn xác, phần diện tích chênh lệch đó là sai số giữa hai lần đo nên xem như đã được cấp giấy theo bản đồ đo lưới hiện nay.

Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số: 753/QĐ-UB ngày 21-12-2001, thu hồi Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 29-02-1992, của Ủy ban nhân dân xã P và công nhận phần đất 2.319 m^2 do ông Lê Văn S đang quản lý cho bà K được quyền sử dụng.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện T là bà Nguyễn Thị K là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần diện tích đất đang tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Lê Thị Tuyết N trình bày:

Bà là con riêng của ông Lê Văn T2. Ông T2 và mẹ bà là Lê Điều N3 chung sống có 05 người con chung gồm: Lê Văn T, Lê Thị Tuyết N, Lê Thị Tuyết T1, Lê Thị Tuyết N4, Lê Văn S1. Riêng bà Lê Thị Tuyết N4 và ông Lê Văn S1 đã bỏ địa phương đi từ nhiều năm nay, không rõ tung tích.

Trong thời gian thoát ly gia đình, tham gia cách mạng, ông T2 đã được anh, chị, em chia cho 4,5 ha đất ruộng tại B2, Ủy ban nhân dân xã P mượn để canh tác, đến năm 1991 thì trả lại, lúc này ông T2 đã về. Sau khi nhận lại đất ông T2 đã chia cho các anh, chị, em của bà gồm Lê Văn T, Lê Thị Tuyết N, Lê Thị Tuyết T1, Lê Thị Tuyết N4 mỗi người 01 ha, còn 0,5 ha chia cho Lê Thị Tuyết H1 (con của ông T2 và bà Nguyễn Thị K), anh, chị, em bà đã chuyển nhượng đất cho người khác vì không có nhu cầu sử dụng.

Bà không yêu cầu chia phần đất bà K đang tranh chấp vì đã được ông T2 chia phần rồi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị Tuyết T1 trình bày:

Bà là con của ông Lê Văn T2 và bà Lê Điều N3. Thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Tuyết N, không yêu cầu chia phần đất đang tranh chấp vì đã được ông T2 cho đất tại B2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn T trình bày:

Ông là con của ông Lê Văn T2 và bà Lê Điều N3. Thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Tuyết N, không yêu cầu chia phần đất đang tranh chấp vì đã được ông T2 cho đất tại B2.

Quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bản án sơ thẩm số: 67/2006/DS-ST ngày 26-9-2006, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà K. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn kháng cáo;

Bản án phúc thẩm số: 317/2007/DS-PT ngày 21-9-2007, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K. Sau đó bà K khiếu nại;

Quyết định giám đốc thẩm số: 07/2011/DS-GĐT ngày 17-01-2011, của Tòa án nhân dân tối cao, hủy Bản án sơ thẩm số: 67/2006/DS-ST ngày 26-9-2006 và Bản án phúc thẩm số: 317/2007/DS-PT ngày 21-9-2007, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm;

Bản án sơ thẩm số: 146/2011/DS-ST ngày 20-9-2011, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng (sơ thẩm lần II), không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K. Bà K kháng cáo;

Bản án phúc thẩm số: 126/2013/DS-PT ngày 03-7-2013, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh (phúc thẩm lần II), không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Sau đó bà K khiếu nại;

Bản án Giám đốc thẩm số: 195/2016/DS-GĐT ngày 07-9-2016, của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy Bản án sơ thẩm số: 146/2011/DS-ST ngày 20-9-2011 và Bản án phúc thẩm số: 126/2013/DS-PT ngày 03-7-2013, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Đất tranh chấp qua đo đạc, định giá xác định được như sau:

Diện tích thực tế là 7.818 m^2, thuộc các thửa 12, 16, 17, 13, 23, 24, tờ bản đồ 13 (năm 2005), diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7.378 m^2, thuộc thửa 256, 257, 336 và 337; tờ bản đồ 07 (bản đồ 299); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01047 ngày 17-12-1993, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông Lê Quang V đứng tên. Giá trị là 351.810.000 (ba trăm năm mươi mốt triệu tám trăm mười nghìn) đồng.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 75/2017/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 136 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với ông Lê Quang V và bà Hồ Kim P về việc tranh chấp quyền sử dụng phần đất diện tích 7.818 m^2, thuộc các thửa 12, 16, 17, 13, 23, 24, tờ bản đồ 13 (năm 2005), tọa lạc tại ấp P1, xã P, huyện T tỉnh Tây Ninh.

Không chấp nhận yêu cầu của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K gồm: Ông Lê Văn H, bà Lê Thị Tuyết L, bà Lê Thị Tuyết H1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01047 ngày 17-12-1993, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông Lê Quang V đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017, ông Lê Văn H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định kháng nghị số: 29/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lê Thị D ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng, ông H giữ nguyên ý kiến của bà D là không yêu cầu được hưởng, không yêu cầu chia đối với phần đất tranh chấp.

Ông V và bà P yêu cầu xét xử vắng mặt, theo Biên bản thỏa thuận ngày 04-4-2018, ông Lê Văn H và Ông Lê Quang V, bà Hồ Kim P thỏa thuận được như sau:

Ông Lê Quang V và bà Hồ Kim P được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 7.818 m^2 gồm các thửa: 12, 16, 17, 13, 23, 24; tờ bản đồ số 13 (năm 2005), tương ứng với các thửa: 256, 257, 336 và 337; tờ bản đồ 07 (bản đồ 299); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01047 ngày 17-12-1993, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông Lê Quang V đứng tên; tọa lạc tại ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ông Lê Quang V và bà Hồ Kim P giao cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị K gồm: Lê Thị Tuyết L, Lê Thị Tuyết H1, Lê Văn H số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, đã giao nhận xong tại Tòa án.

Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01047 ngày 17-12-1993, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông Lê Quang V đứng tên.

Về chi phí tố tụng khác: Ông H, bà L, bà H1, tự nguyện chịu 1.350.000 (một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng tiền chi phí đo đạc, định giá; đã nộp xong.

Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Quang V và bà Hồ Kim P chịu 5.000.000 đồng.

Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp hành đúng nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn H là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K gồm: Bà Lê Thị Tuyết L, bà Lê Thị Tuyết H1 đã thỏa thuận được với bị đơn là ông Lê Quang V và bà Hồ Kim P về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của họ là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác

trong vụ án. Thuộc trường hợp quy định tại Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Ông H đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị D giữ nguyên yêu cầu của bà D là không tranh chấp, không yêu cầu được hưởng đối với đất tranh chấp nên ghi nhận.

[3] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 75/2017/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2. Ghi nhận bà Lê Thị D không tranh chấp, không yêu cầu được hưởng đối với đất tranh chấp.

3. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Văn H và ông Lê Quang V, bà Hồ Kim P tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể như sau:

3.1. Ông Lê Quang V và bà Hồ Kim P được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 7.818 m^2, gồm các thửa: 12, 16, 17, 13, 23, 24; tờ bản đồ số 13 (năm 2005), tương ứng với các thửa: 256, 257, 336 và 337; tờ bản đồ 07 (bản đồ 299); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01047 ngày 17-12-1993, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông Lê Quang V đứng tên; tọa lạc tại ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh; tứ cận: Đông giáp đất ông L3 dài 59,91m và đất ông X dài 32,60 m + 4,83 m; Tây giáp đường đất dài 29,24 m + 30,89 m + 25,20 m + 10,49 m; Nam giáp mương nước dài 36,85 m + 38,46 m; Bắc giáp mương nước dài 40,88 m + 42,30 m.

3.2. Ông Lê Quang V và bà Hồ Kim P giao cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị K gồm: Lê Thị Tuyết L, Lê Thị Tuyết H1, Lê Văn H số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, đã giao nhận xong tại Tòa án.

3.3. Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01047 ngày 17-12-1993, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông Lê Quang V đứng tên.

3.4. Về chi phí tố tụng khác: Ông Lê Văn H, bà Lê Thị Tuyết L, bà Lê Thị Tuyết H1 tự nguyện chịu 1.350.000 (một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng tiền chi phí đo đạc, định giá; đã nộp xong.

3.5. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Lê Quang V và bà Hồ Kim P chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng.

- Hoàn trả cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K, do ông Lê Văn H đại diện nhận 278.500 (hai trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0002039 ngày 01-6-2006, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0009380 ngày 14-11-2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Đồng